

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2018/HNGĐ-ST
Ngày 11-5-2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trương Minh Huế.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Lợi.

Ông Nguyễn Duy Tuân.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Liên - Thư ký Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên toà: Bà Đặng Thị Thơ - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị D, nơi cư trú: Thôn N, xã Đ, huyện K, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Phạm Văn H, nơi cư trú: Thôn H1, xã H2, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện, tại Bản tự khai, nguyên đơn là chị Vũ Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Phạm Văn H trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H2, huyện A, Hải Phòng vào năm 2002. Sau khi kết hôn, chị về chung sống cùng gia đình anh H tại thôn H1, xã H2, huyện A, Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2004 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra va chạm cãi vã. Mâu thuẫn đã được gia đình bố, mẹ hai bên hòa giải nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nên từ năm 2004 chị đã về cư trú cùng bố, mẹ đẻ chị ở huyện K, tỉnh

Hải Dương, cũng từ đó chị và anh H sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Văn H.

Về con chung: Chị và anh Phạm Văn H có một con chung là Phạm Văn H3, sinh ngày 10 tháng 4 năm 2003. Từ khi chị bỏ đi đến nay, con chung do anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị đề nghị Tòa án giao con chung cho anh H nuôi dưỡng. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là anh Phạm Văn H: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh H để anh H đến Tòa án nhân dân huyện A giải quyết việc chị Vũ Thị D xin ly hôn nhưng anh H đều vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu ý kiến:

- *Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn đã không đến Tòa án ghi bản tự khai; không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo giấy triệu tập, thông báo của Tòa án; vắng mặt tại phiên tòa không có lý do đã vi phạm các điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:* Căn cứ quy định tại Điều 39 Bộ luật Dân sự; các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc ly hôn và về vấn đề con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về việc xét xử vắng mặt đương sự:* Nguyên đơn chị Vũ Thị D vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Phạm Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, nên căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 1, khoản 3, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Vũ Thị D và anh Phạm Văn H.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Tuy anh Phạm Văn H không đến Tòa án, nên không có quan điểm của anh H về việc chị Vũ Thị D xin ly hôn, nhưng căn cứ lời khai của nguyên đơn, căn cứ các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các chứng cứ do Tòa án thu thập có đủ cơ sở xác định: Chị Vũ Thị D và anh Phạm Văn H kết hôn với nhau do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H2, huyện A, Hải Phòng vào năm 2002. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra đánh cãi chửi nhau. Mâu thuẫn đã được gia đình bố, mẹ hai bên hòa giải nhưng không có kết quả. Chị D và anh H đã ly thân nhiều năm, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị Vũ Thị D và anh Phạm Văn H đã

mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc chị Vũ Thị D xin ly hôn với anh Phạm Văn H là có cơ sở chấp nhận.

[3] *Về con chung*: Chị Vũ Thị D và anh Phạm Văn H có một con chung là Phạm Văn H3, sinh ngày 10 tháng 4 năm 2003. Hiện tại con chung do anh H nuôi dưỡng. Chị D có quan điểm đề nghị Tòa án giao con chung cho anh H nuôi dưỡng. Anh H không có lời khai, không có mặt tại phiên tòa. Do vậy, không có quan điểm của anh H về con chung. Xét thấy, từ khi chị D về cư trú với bố, mẹ đẻ chị D, con chung do anh H trực tiếp nuôi dưỡng nhiều năm đã ổn định và phát triển tốt. Bản thân anh H cũng lao động và có thu nhập. Anh H còn được sự giúp đỡ của mẹ anh H trong việc chăm sóc, giáo dục con chung. Mẹ anh H bà Nguyễn Thị L có quan điểm đề nghị Tòa án giao con chung cho anh H nuôi dưỡng, con chung Phạm Văn H3 cũng có nguyện vọng được ở với anh H3. Do vậy, để ổn định cuộc sống của con chung nên giao con chung Phạm Văn H3 cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết, Anh H không có quan điểm về việc cấp dưỡng nuôi con, nên Tòa án không xem xét, giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, khi nào các đương sự có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

[4] *Về tài sản chung*: Chị Vũ Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Phạm Văn H không có quan điểm về vấn đề tài sản. Nên Tòa án không xem xét, giải quyết về vấn đề tài sản, khi nào các đương sự có yêu cầu Tòa án sẽ xem xét, giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[5] Về án phí: Chị Vũ Thị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1, Điều 28; Điều 147; điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 1 và khoản 3, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 6; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Vũ Thị D được ly hôn anh Phạm Văn H.

2. *Về con chung*: Giao con chung Phạm Văn H3, sinh ngày 10 tháng 4 năm 2003 cho anh Phạm Văn H tiếp tục nuôi dưỡng. Thời hạn nuôi dưỡng con chung tính từ ngày 12 tháng 5 năm 2018 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: Chị Vũ Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn đã nộp theo Biên lai thu tiền số 7483 ngày 26 tháng 01 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A. Chị Vũ Thị D đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện A;
- UBND xã H2;
- Đường sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trương Minh Huế

